

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

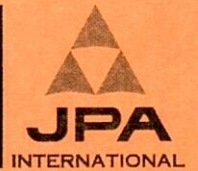
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng: 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email: contact@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG

Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2021: 89.356.430.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 0269 3845 571
- Fax : (84) 0269 3842 106

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (trừ mù cao su)...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	11/09/2018	
Ông Trịnh Đình Trường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	11/09/2018	
Ông Trịnh Văn Công	Thành viên	13/04/2019	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	20/05/2020	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	26/04/2021	
Bà Trình Thị Vân	Trưởng ban	20/05/2020	26/04/2021
Bà Lê Thị Vinh	Thành viên	14/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên	20/05/2020	

4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc	14/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	16/08/2019	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	11/09/2018
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc	14/09/2018

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Số: 12/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.4 “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, trong năm Công ty có cho Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai vay số tiền 16.576.900.000 đồng. Các khoản cho vay này dưới hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

A blue ink signature of Huỳnh Minh Hưng.

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		96.796.109.940	75.717.517.592
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.211.073.516	4.186.997.426
111	1. Tiền		1.211.073.516	4.186.997.426
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.760.130.492	52.049.092.494
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2a	17.551.200.035	8.899.697.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	20.206.000.000	21.210.328.250
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	16.576.900.000	16.900.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	9.438.585.962	5.051.621.897
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.555.505)	(12.555.505)
140	IV. Hàng tồn kho		31.571.288.081	18.934.836.933
141	1. Hàng tồn kho	V.6	31.571.288.081	18.951.649.333
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(16.812.400)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		253.617.851	546.590.739
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	82.038.132	55.329.162
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	201.013.201
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	171.579.719	290.248.376
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		66.594.643.062	76.140.924.492
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.516.420.347	12.525.933.100
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.2b	12.500.000.000	12.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	16.420.347	25.933.100
220	II. Tài sản cố định		51.144.317.327	57.861.775.669
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	51.129.612.327	57.825.013.169
222	- Nguyên giá		148.369.703.579	151.717.020.405
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.240.091.252)	(93.892.007.236)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	14.705.000	36.762.500
228	- Nguyên giá		66.172.500	66.172.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.467.500)	(29.410.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.749.114.583
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.10	-	1.749.114.583
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.933.905.388	4.004.101.140
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2.933.905.388	4.004.101.140
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		163.390.753.002	151.858.442.084

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		70.844.133.859	58.847.769.152
310	I. Nợ ngắn hạn		68.750.379.260	57.767.412.386
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	1.204.155.800	1.838.869.982
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	-	459.067.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	139.062.936	1.002.576.244
314	4. Phải trả người lao động	V.14	383.884.474	413.527.331
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	189.539.280	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	4.283.788.374	3.263.854.417
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	61.742.400.347	49.981.969.163
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		807.548.049	807.548.049
330	II. Nợ dài hạn		2.093.754.599	1.080.356.766
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.16b	1.304.358.209	290.960.376
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	789.396.390	789.396.390
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		92.546.619.143	93.010.672.932
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	92.546.619.143	93.010.672.932
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		89.356.430.000	89.356.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		89.356.430.000	89.356.430.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.190.189.143	3.654.242.932
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.023.306.717	3.023.306.717
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		166.882.426	630.936.215
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		163.390.753.002	151.858.442.084

Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

PHAN THANH THU'

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Tổng Giám đốc



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	60.708.694.044	70.451.858.611
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.708.694.044	70.451.858.611
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	52.769.831.756	60.750.038.871
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.938.862.288	9.701.819.740
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	5.359.730.811	3.306.834.616
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.072.756.746	3.943.197.272
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.975.843.888	3.862.469.919
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	3.980.962.116	3.353.643.917
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	4.786.771.436	4.811.939.598
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		458.102.801	899.873.569
31	11. Thu nhập khác	VI.7	2.980.001	30.624.527
32	12. Chi phí khác	VI.8	170.722.553	293.891.046
40	13. Lợi nhuận khác		(167.742.552)	(263.266.519)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		290.360.249	636.607.050
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	123.477.823	5.670.835
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		166.882.426	630.936.215
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	19	61
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	19	61

Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

PHAN THANH THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Tổng Giám đốc



TRINH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2021

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		49.030.482.997	75.348.286.313
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(55.410.448.496)	(53.043.805.636)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.004.719.311)	(7.264.623.835)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.962.446.055)	(3.862.469.919)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.100.647.534	12.934.224.891
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.794.476.376)	(9.023.980.372)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.040.959.707)	15.087.631.442
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(285.151.897)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(16.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		323.100.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		530.657.408	1.607.237.426
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		853.757.408	(15.577.914.471)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	86.529.622.591	94.119.958.968
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(74.769.191.407)	(91.519.360.480)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(549.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.211.431.184	2.600.598.488
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		(2.975.771.115)	2.110.315.459
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.186.997.426	2.078.063.176
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(152.795)	(1.381.209)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	V.1	1.211.073.516	4.186.997.426

Người lập biểu

PHAN THANH THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG



Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (trừ mủ cao su),....

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tình hình dịch bệnh kéo dài làm cho giá cước vận chuyển tăng cao cộng thêm với giá chè thị trường năm nay sụt giảm dẫn đến doanh số bán ra thấp hơn năm trước. Điều này dẫn đến doanh thu và lợi nhuận năm nay giảm hơn so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 64 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 67 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 5
Vườn cây lâu năm	20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán chè, cà phê

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	973.888.131	1.244.261.393
Tiền gửi ngân hàng	237.185.385	2.942.736.033
+ VND	226.539.658	1.894.789.206
+ USD	470,01 # 10.645.727	45.523,32 # 1.047.946.827
Cộng	<u>1.211.073.516</u>	<u>4.186.997.426</u>

2. Phải thu khách hàng**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	17.551.200.035	8.899.697.852
- Lã Minh Tuấn	5.037.915.000	842.685.000
- Các hộ mua phân bón	4.707.389.951	3.749.265.871
- Công ty TNHH Chế biến trà Trân Nam Việt	3.760.430.850	410.109.700
- Sarfaraz Kouchi Co, Ltd	1.957.730.100	1.201.847.320
- Khan Aziz Umar Kail Ltd Jalalabad Afganistan	1.414.520.813	1.937.507.075
- Các đối tượng khác	673.213.321	758.282.886
Cộng	<u>17.551.200.035</u>	<u>8.899.697.852</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	12.500.000.000	12.500.000.000
- Công ty CP Cà phê Gia Lai	12.500.000.000	12.500.000.000
Phải thu các khách hàng khác	-	-
Cộng	<u>12.500.000.000</u>	<u>12.500.000.000</u>

Phải thu Công ty CP Cà phê Gia Lai theo hợp đồng nguyên tắc số 01/HDNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 giữa Công ty CP Chè Biển Hồ và Công ty CP Cà phê Gia Lai. Theo đó, thời hạn thanh toán đến 60 tháng kể từ ngày 2 bên bàn giao hàng hóa và xuất hóa đơn tài chính.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	20.206.000.000	21.082.900.000
- Công ty CP Cà phê Gia Lai (*)	20.206.000.000	21.082.900.000
Trả trước cho người bán khác	-	127.428.250
- Trần Kim Nhon	-	70.000.000
- Công ty TNHH Bao bì giấy Nam Việt	-	45.375.000
- Các đối tượng khác	-	12.053.250
Cộng	<u>20.206.000.000</u>	<u>21.210.328.250</u>

(*) Khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty cà phê Gia Lai theo hợp đồng nguyên tắc số 02/HDNT/2019-FGL/BHG để mua cà phê nhân xô.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cho vay với các bên liên quan	16.576.900.000	16.900.000.000
- Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	16.576.900.000	16.900.000.000
Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác	-	-
Cộng	<u>16.576.900.000</u>	<u>16.900.000.000</u>

Cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 03/03/2020 và phụ lục hợp đồng số 01.1/PLHĐVV/2021-BHG/FGL ngày 03/01/2021. Số tiền vay: 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 03/04/2022, lãi suất vay 6,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 28/05/2020 và phụ lục hợp đồng số 02.1/PLHĐVV/2021-BHG/FGL ngày 28/01/2021. Số tiền vay: 700.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 28/04/2022, lãi suất vay 6,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/06/2020 và phụ lục hợp đồng số 03.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/01/2021. Số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 26/04/2022, lãi suất vay 8,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2020 và phụ lục hợp đồng số 04.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2021. Số tiền vay: 900.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 26/10/2022, lãi suất vay 8,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2020 và phụ lục hợp đồng số 05.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2021. Số tiền vay: 13.600.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 16/12/2022, lãi suất vay 7%/năm.

Tất cả các khoản vay này đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	9.121.596.733	-	4.339.667.898	-
- Công ty CP Cà phê Gia Lai				
Tiền lãi cho vay, lãi nhận tiền ứng trước	9.078.475.133	-	4.322.177.233	-
- Ông Trịnh Đình Trường				
Các khoản khác	43.121.600	-	17.490.665	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	316.989.229	-	711.953.999	-
Phải thu các hộ trồng chè, trồng cà phê	311.989.229	-	711.953.999	-
Tạm ứng CBCNV	5.000.000	-	-	-
Cộng	9.438.585.962	-	5.051.621.897	-

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các hộ trồng chè, cà phê	16.420.347	-	25.933.100	-
Cộng	16.420.347	-	25.933.100	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	225.359.795	-	291.590.047	-
Công cụ, dụng cụ	790.128.714	-	596.717.985	-
Chi phí SXKD dở dang	10.464.814.492	-	2.618.254.270	-
Thành phẩm (*)	20.090.308.906	-	14.393.148.931	(16.812.400)
Hàng hóa	-	-	1.051.938.100	-
Hàng gửi đi bán	676.174	-	-	-
Cộng	31.571.288.081	-	18.951.649.333	(16.812.400)

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (*) là giá trị chè đã qua chế biến, cà phê nhân xô tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	80.813.134	50.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.224.998	5.329.162
Cộng	82.038.132	55.329.162

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	55.329.162	148.980.449
Tăng trong năm	161.326.564	4.810.952.525
Phân bổ trong năm	(134.617.594)	(4.904.603.812)
Số dư cuối năm	82.038.132	55.329.162

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh	2.558.390.716	2.937.411.556
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.596.452	76.269.383
Hệ thống Quản lý chất lượng ISO	-	21.012.838
Chi phí sửa chữa TSCĐ	314.841.772	969.407.363
Nhà để xe	15.076.448	-
Cộng	<u>2.933.905.388</u>	<u>4.004.101.140</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu năm	4.004.101.140	5.023.157.701
Tăng trong năm	1.817.251.311	3.651.548.226
Phân bổ trong năm	(2.887.447.063)	(4.670.604.787)
Số dư cuối năm	<u>2.933.905.388</u>	<u>4.004.101.140</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>P.tiện vận tải truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	42.052.664.534	7.071.326.815	1.461.110.574	68.497.454	101.063.421.028	151.717.020.405
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(3.347.316.826)	(3.347.316.826)
Số cuối năm	<u>42.052.664.534</u>	<u>7.071.326.815</u>	<u>1.461.110.574</u>	<u>68.497.454</u>	<u>97.716.104.202</u>	<u>148.369.703.579</u>
<i>Trong đó:</i>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	239.526.438	2.030.218.008	744.021.000	68.497.454	2.231.329.319	5.313.592.219
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	30.696.113.196	4.637.311.620	1.078.711.636	68.497.454	57.411.373.330	93.892.007.236
Khấu hao trong năm	1.122.730.216	655.426.895	84.913.663	-	4.806.675.193	6.669.745.967
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(3.321.661.951)	(3.321.661.951)
Số cuối năm	<u>31.818.843.412</u>	<u>5.292.738.515</u>	<u>1.163.625.299</u>	<u>68.497.454</u>	<u>58.896.386.572</u>	<u>97.240.091.252</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.356.551.338	2.434.015.195	382.398.938	-	43.652.047.698	57.825.013.169
Số cuối năm	<u>10.233.821.122</u>	<u>1.778.588.300</u>	<u>297.485.275</u>	<u>-</u>	<u>38.819.717.630</u>	<u>51.129.612.327</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 19.070.844.307 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai (Xem tại Thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	66.172.500	66.172.500
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	66.172.500	66.172.500
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	29.410.000	29.410.000
Khấu hao trong năm	22.057.500	22.057.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	51.467.500	51.467.500
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	36.762.500	36.762.500
Số cuối năm	14.705.000	14.705.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu tư kiến thiết vườn chuối ban đầu	-	1.749.114.583
Cộng	-	1.749.114.583

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	1.204.155.800	1.838.869.982
- Công ty TNHH Xây dựng cơ điện Quốc Thanh	300.000.000	500.000.000
- Nguyễn Văn Bính	241.616.200	-
- Các hộ bán chè xanh	-	1.174.755.082
- Các hộ bán cà phê	356.182.100	137.110.900
- Huỳnh Thị Mừng	143.937.500	-
- Các đối tượng khác	162.420.000	27.004.000
Cộng	1.204.155.800	1.838.869.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	-	459.067.200
- Zia Habibi LTD	-	459.043.200
- Các đối tượng khác	-	24.000
Cộng	-	459.067.200

13. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT phải nộp	-	-	139.062.936	-	139.062.936	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	215.023.359	123.477.823	-	-	91.545.536
Thuế thu nhập cá nhân	-	45.581.571	115.375.588	102.184.754	-	32.390.737
Thuế nhà đất	-	29.511.936	-	-	-	29.511.936
Tiền thuế đất	999.988.999	-	1.991.152.709	3.009.141.708	-	18.000.000
Các loại thuế khác	2.587.245	-	412.755	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	131.510	-	-	-	131.510
Cộng	1.002.576.244	290.248.376	2.369.481.811	3.114.326.462	139.062.936	171.579.719

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	290.360.249	636.607.050
- Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	3.187.635.119	3.783.150.506
- Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế	(4.028.087.458)	(2.172.405.694)
- Hoạt động kinh doanh khác	1.130.812.588	(974.137.762)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	498.557.958	2.015.264.939
- Các khoản điều chỉnh tăng	498.557.958	2.015.264.939
+ Chi phí không hợp lý	486.001.678	2.003.836.989
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.556.280	11.427.950
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	788.918.207	2.651.871.989
- Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	3.411.452.140	5.166.736.291
- Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế	(3.898.414.199)	(1.707.842.586)
- Hoạt động kinh doanh khác	1.275.880.266	(807.021.716)
Thu nhập được miễn thuế	3.411.452.140	5.166.736.291
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	788.918.207	(2.514.864.302)
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ	157.783.641	-
Thuế TNDN được giảm 30% theo ND 92/2021/NĐ-CP	47.335.092	-
Chi phí thuế TNDN truy thu kỳ trước	13.029.274	5.670.835
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>123.477.823</u>	<u>5.670.835</u>

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả người lao động	383.884.474	413.527.331
Cộng	<u>383.884.474</u>	<u>413.527.331</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí vận chuyển hàng hóa xuất khẩu	189.539.280	-
Cộng	<u>189.539.280</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	4.283.788.374	3.263.854.417
Kinh phí công đoàn	-	-
Quỹ khen thưởng (*)	1.088.088.381	1.088.088.381
Lãi vay phải trả (**)	568.365.822	568.365.822
Các khoản phải trả khác	2.627.334.171	1.607.400.214
- Phải trả người dân về tiền chăm sóc và phê theo các hợp đồng trồng cà phê liên kết	2.386.020.299	-
- Phải trả người dân về tiền thuê đất được giảm	233.288.677	-
- Hỗ trợ người lao động trích từ 0,5% BHTNLĐ, BNN giữ	8.025.195	-
- Phải trả Nhà nước	-	1.607.400.214
Cộng	<u>4.283.788.374</u>	<u>3.263.854.417</u>

(*) Theo quy định tại khoản 3 điều 8 Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính:

“Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện quản lý và chi theo đúng quy định. Số dư còn lại (nếu có) công ty cổ phần mới kế thừa và tiếp tục sử dụng.”

(**) Là chi phí lãi vay phải trả Liên Hiệp Chè Việt Nam theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô – Ba Lan từ giai đoạn Nhà nước. Theo Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 thì số tiền nợ phải trả (cả gốc và lãi vay) nếu được xóa nợ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	1.304.358.209	290.960.376
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.304.358.209	290.960.376
Cộng	<u>1.304.358.209</u>	<u>290.960.376</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn của các cá nhân (1)	2.520.000.000	2.520.000.000	7.634.800.000	7.634.800.000
- Ông Phùng Ngọc Kim	900.000.000	900.000.000	-	-
- Bà Lê Văn Anh	820.000.000	820.000.000	-	-
- Ông Trịnh Đình Trường	-	-	6.285.000.000	6.285.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	500.000.000	500.000.000	1.349.800.000	1.349.800.000
- Ông Nguyễn Quang Cường	300.000.000	300.000.000	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (2)	59.222.400.347	59.222.400.347	42.347.169.163	42.347.169.163
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	59.222.400.347	59.222.400.347	42.347.169.163	42.347.169.163
Cộng	61.742.400.347	61.742.400.347	49.981.969.163	49.981.969.163

(1) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất từ 7,2%/năm đến 8,4%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký kết từng hợp đồng vay vốn.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng Số 03/HĐTD-BH ngày 22 tháng 10 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh niên vụ 2021-2022; thời hạn vay và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng là 5%/năm, đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 9 tháng đến dưới 12 tháng là 6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Biện pháp đảm bảo tiền vay (Xem thuyết minh số V.8):

- + Thế chấp tài sản vườn cây chè tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/HĐTC-BH ngày 22/10/2021;
- + Thế chấp tài sản trụ sở công ty và nhà máy chế biến tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/HĐTC-BH ngày 22/10/2021.

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390
- Liên hiệp Chè Việt Nam	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390
Cộng	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390

Khoản vay dài hạn theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô - Ba Lan giữa Tổng công ty Chè Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ theo hợp đồng số 25 ND 24 CVN-BH ngày 01 tháng 04 năm 1989.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch TG hồi đoái	Lợi nhuận ST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	89.356.430.000	-	3.023.306.717	92.379.736.717
Lợi nhuận trong năm	-	-	630.936.215	630.936.215
Tăng trong năm	-	11.427.950	-	11.427.950
Giảm trong năm	-	(11.427.950)	-	(11.427.950)
Số dư tại 31/12/2020	89.356.430.000	-	3.654.242.932	93.010.672.932
Số dư tại 01/01/2021	89.356.430.000	-	3.654.242.932	93.010.672.932
Lợi nhuận trong năm	-	-	166.882.426	166.882.426
Tăng trong năm	-	18.889.456	-	18.889.456
Giảm trong năm	-	(18.889.456)	(630.936.215)	(649.825.671)
Số dư tại 31/12/2021	89.356.430.000	-	3.190.189.143	92.546.619.143

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp (%)	31/12/2021	Tỷ lệ vốn góp (%)	01/01/2021
- Cổ đông Nhà nước	0,00%	-	0,00%	-
- Cổ đông khác	100,00%	89.356.430.000	100,00%	89.356.430.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư Legend Highland	24,00%	21.450.000.000	0,00%	-
+ Công ty cổ phần Năng lượng Nghĩa Hưng	23,50%	21.000.000.000	0,00%	-
+ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	0,00%	-	51,00%	45.571.779.300
+ Trịnh Quang Hưng	13,85%	12.373.980.000	13,85%	12.373.980.000
+ Trịnh Đình Trường	15,47%	13.819.320.000	11,01%	9.833.800.000
+ Trịnh Quang Vinh	8,01%	7.153.420.000	8,01%	7.153.420.000
+ Lê Thị Thanh Tình	6,71%	6.000.000.000	6,71%	6.000.000.000
+ Các cổ đông khác	8,46%	7.559.710.000	9,43%	8.423.450.700
Cộng	100%	89.356.430.000	100%	89.356.430.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	89.356.430.000	89.356.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	89.356.430.000	89.356.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	549.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.935.643	8.935.643
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu thường	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu thường	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.654.242.932	3.023.306.717
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	166.882.426	630.936.215
Phân phối lợi nhuận năm trước	630.936.215	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	81.936.215	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông	549.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>3.190.189.143</u>	<u>3.654.242.932</u>

19. Khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dolla Mỹ (USD)	470,01	45.523,32

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.708.694.044	70.451.858.611
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	6.395.013.932	14.227.193.106
Doanh thu bán thành phẩm chè, cà phê, chuối	52.726.180.857	54.697.373.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ tươi tiêu	775.128.341	1.469.548.881
Doanh thu cho thuê đất	687.272.727	-
Doanh thu khác	125.098.187	57.743.488
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	<u>60.708.694.044</u>	<u>70.451.858.611</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vật tư nông nghiệp	5.198.598.424	13.987.419.105
Giá vốn thành phẩm chè, cà phê, chuối	46.460.967.305	45.390.969.545
Giá vốn dịch vụ tươi tiêu	961.101.194	1.354.837.821
Giá vốn cho thuê đất	45.424.500	-
Giá vốn hoạt động khác	120.552.733	-
Dự phòng giảm giá HTK	-	16.812.400
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(16.812.400)	-
Cộng	<u>52.769.831.756</u>	<u>60.750.038.871</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.286.955.308	3.151.598.676
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	72.775.503	155.235.940
Cộng	<u>5.359.730.811</u>	<u>3.306.834.616</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.975.843.888	3.862.469.919
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	84.356.578	69.299.403
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	12.556.280	11.427.950
Cộng	<u>4.072.756.746</u>	<u>3.943.197.272</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	419.126.441	616.889.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.561.835.675	2.736.754.464
Cộng	<u>3.980.962.116</u>	<u>3.353.643.917</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	206.462.980	182.793.817
Chi phí nhân viên quản lý	3.013.323.756	2.947.589.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.137.896	201.044.744
Thuế, phí và lệ phí	93.135.200	164.979.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.614.754	295.886.766
Chi phí bằng tiền khác	1.014.096.850	1.019.644.727
Cộng	<u>4.786.771.436</u>	<u>4.811.939.598</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhập kho củi cây che bóng mát bị khô	-	28.080.000
Xử lý công nợ	-	2.544.527
Các khoản thu nhập khác	2.980.001	-
Cộng	<u>2.980.001</u>	<u>30.624.527</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường cho khách hàng	-	126.775.000
Tiền phạt vi phạm hành chính	109.366.464	113.689.079
GTCL của vườn cây bị phá dỡ	25.654.875	-
Chi phí hàng tồn kho bị hư hỏng	15.678.671	-
Các khoản khác	20.022.543	53.426.967
Cộng	170.722.553	293.891.046

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	166.882.426	630.936.215
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	-	(81.936.215)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	-	(81.936.215)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	166.882.426	549.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.935.643	8.935.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	19	61

(*) Điều lệ Công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chưa quy định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến của năm 2021. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính chưa trừ đi quỹ khen thưởng, phúc lợi.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	166.882.426	549.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	166.882.426	549.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.935.643	8.935.643
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19	61

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Cổ phiếu lưu hành bình quân**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.935.643	8.935.643
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>8.935.643</u>	<u>8.935.643</u>

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.054.439.297	31.545.222.030
Chi phí nhân công	13.469.929.136	12.982.392.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.691.803.467	6.918.876.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.874.965.734	4.903.327.018
Chi phí khác bằng tiền	4.911.400.542	4.927.785.231
Cộng	<u>63.002.538.176</u>	<u>61.277.602.663</u>

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	86.529.622.591	94.119.958.968
Cộng	<u>86.529.622.591</u>	<u>94.119.958.968</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(74.769.191.407)	(91.519.360.480)
Cộng	<u>(74.769.191.407)</u>	<u>(91.519.360.480)</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	76.024.916	136.024.916
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	619.440.000	36.000.000	84.904.989	740.344.989
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	43.950.140	79.950.140
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	24.000.000	-	24.000.000
8	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
9	Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên BKS	92.160.000	24.000.000	-	116.160.000
10	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	154.296.000	-	-	154.296.000
	Tổng cộng		865.896.000	312.000.000	204.880.045	1.382.776.045

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2020			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	671.880.000	36.000.000	-	707.880.000
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	22.500.000	-	22.500.000
7	Trình Thị Vân	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	-	36.000.000
8	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
9	Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên BKS	76.000.000	24.000.000	-	100.000.000
10	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	168.000.000	-	-	168.000.000
	Tổng cộng		915.880.000	310.500.000	-	1.226.380.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai
Ông Trịnh Đình Trường
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng

Cùng Công ty đầu tư
Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Giao dịch với các bên liên quan khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ (Phân bón, vật tư)	-	46.752.325
- Mua hàng, dịch vụ	5.454.544	-
- Cho vay	-	16.900.000.000
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Vay ngắn hạn	4.685.000.000	1.649.800.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	1.600.000.000	1.649.800.000
+ Ông Trịnh Định Trường	3.085.000.000	16.800.000.000
- Trả gốc vay ngắn hạn	11.819.800.000	10.815.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	2.449.800.000	300.000.000
+ Ông Trịnh Định Trường	9.370.000.000	10.515.000.000

Số dư với các bên liên quan khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai		
Phải thu khách hàng	12.500.000.000	12.500.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.206.000.000	21.082.900.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.576.900.000	16.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	9.078.475.133	4.322.177.233
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	500.000.000	7.634.800.000
+ Ông Trịnh Định Trường	-	6.285.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	500.000.000	1.349.800.000

2. Báo cáo bộ phận*- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Chè, cà phê, chuối	Vật tư nông nghiệp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.726.180.857	6.395.013.932	1.587.499.255	-	60.708.694.044
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.726.180.857	6.395.013.932	1.587.499.255	-	60.708.694.044
Giá vốn bộ phận	46.444.154.905	5.198.598.424	1.127.078.427	-	52.769.831.756
Lợi nhuận gộp bộ phận	6.282.025.952	1.196.415.508	460.420.828	-	7.938.862.288

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	54.697.373.136	14.227.193.106	1.527.292.369	-	70.451.858.611
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.697.373.136	14.227.193.106	1.527.292.369	-	70.451.858.611
Giá vốn bộ phận	45.407.781.945	13.987.419.105	1.354.837.821	-	60.750.038.871
Lợi nhuận gộp bộ phận	9.289.591.191	239.774.001	172.454.548	-	9.701.819.740

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh do trình bày lại số liệu

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp với quy định hiện hành như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
I. Bảng cân đối kế toán					
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	21.399.697.852	8.899.697.852	12.500.000.000	(1)
2. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	12.500.000.000	(12.500.000.000)	(1)
II. Bảng kết quả kinh doanh					
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	71	61	10	(2)
4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	71	61	10	(2)

(1) Công nợ phải thu được trình bày lại theo hợp đồng nguyên tắc số 01/HDNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 giữa Công ty CP Chè Biển Hồ và Công ty CP Cà phê Gia Lai. Theo đó, thời hạn thanh toán đến 60 tháng kể từ ngày 2 bên bàn giao hàng hóa và xuất hóa đơn tài chính.

(2) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại do Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26/04/2021 đã quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 81.936.215 đồng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

PHAN THANH THU

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Kế toán trưởng



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

